TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **163**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20-9-2022
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Trương Thị Sen.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hương;

2. Ông Hồng Quang Minh.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Liêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia và đình thụ lý số: 78/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Võ Thị Mỹ H, sinh năm 1996. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

- *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1984. *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: tổ dân phố L, thị trấn A, huyện S, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2022, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Võ Thị Mỹ H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Văn D tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã B, thị xã Đ, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 26/3/2014. Sau khi kết hôn được một thời gian thì giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh D không quan tâm đến gia đình, nhiều lần uống rượu say xỉn về kiếm cớ đánh đập vợ con nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh D.

Về con chung: có 02 con chung tên là Nguyễn Văn M, sinh ngày 10/01/2014 và Nguyễn Văn K, sinh ngày 25/5/2016. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 16/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Nguyễn Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Quá trình chung sống anh có đánh chị H, nhưng anh biết hành động của mình là sai, làm tổn thương vợ con, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Anh xin Toà án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi con.

Về con chung: có 02 con chung tên là Nguyễn Văn M, sinh ngày 10/01/2014 và Nguyễn Văn K, sinh ngày 25/5/2016. Anh muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi con nên anh không có yêu cầu gì về việc nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và

Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn - anh Nguyễn Văn D có nơi cư trú tại tổ dân phố L, thị trấn A, huyện S, tỉnh N. Chị H xin ly hôn với anh D và yêu cầu được trực tiếp nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh D tự nguyện kết hôn, được Uỷ ban nhân dân xã Đ, thị xã B, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 26/3/2014 nên là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Sau khi kết hôn anh D không quan tâm đến vợ con, nhiều lần uống rượu say xỉn về kiếm cớ đánh đập chị H nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh D biết hành vi của mình là sai trái, anh xin Toà án giải quyết đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị H vẫn cương quyết xin ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H, anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: có 02 con chung tên là Nguyễn Văn M, sinh ngày 10/01/2014 và Nguyễn Văn K, sinh ngày 25/5/2016. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, anh D xin đoàn tụ để vợ chồng cùng nuôi con và không có yêu cầu gì về việc nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà anh D vắng mặt không lý do thể hiện sự không quan tâm đến gia đình, con cái. Chị H cung cấp cho Toà án Hợp đồng lao động giữa chị với Công ty TNHH V thể hiện

chị có công việc ổn định tạo ra thu nhập nuôi con. Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/6/2022, cháu M có nguyện vọng ở với chị Hoa nên cần tôn trọng sự lựa chọn của cháu. Cháu K còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Do đó, cần giao cháu M và cháu K cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở phù hợp với quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3]. Về án phí: chị Võ Thị Mỹ H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Mỹ H về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con "*.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Võ Thị Mỹ H và anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Văn M, sinh ngày 10/01/2014 và Nguyễn Văn K, sinh ngày 25/5/2016 cho chị Võ Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng chị Võ Thị Mỹ H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà chị H đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004682 ngày 23/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Điện Thắng Bắc;
(GCNKH số 08 ngày 26/3/2014)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Sen